

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA, TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Bằng.
2. Ông Vũ Minh Huân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Má Thị D, sinh năm 1997.

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: H, Mông.

Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Giàng A G, sinh năm 1999.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: H. Mông.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt. (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Má Thị D trình bày:

Chị Má Thị D và anh Giàng A G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, nhưng đến ngày 03/6/2020 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con. Mặt khác anh G không tu chí làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, đã nhiều lần chị D khuyên ngăn góp ý, gia đình hai bên hoà giải, nhưng anh G không thay đổi. Nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Hai người đã sống ly thân từ năm 2021 không quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết cho chị được ly hôn anh Giàng A G.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/7/2019 và cháu Giàng Mai A, sinh ngày 19/11/2020 cả 02 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Mai A; anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Thị Tuyết N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Giàng A G. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Giàng A G theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh G không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án tự khai, tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ, chị D yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải. Nên Toà án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Giàng A G theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Má Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến tòa án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Má Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Má Thị D được ly hôn anh Giàng A G.

Về con chung: Giao cháu Giàng Thị Tuyết Ncho chị Má Thị D, cháu Giàng Mai A cho anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Má Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A G và nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh Giàng A G không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Do vậy đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chị Má Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Giàng A G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đã được tòa án triệu tập họp lệ vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị Má Thị D và anh Giàng A G theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Chị Má Thị D và anh Giàng A G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, đến ngày 03/6/2020 làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng chị Má Thị D và anh Giàng A G hoà thuận hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn, đến năm 2021 mâu thuẫn phát sinh. Chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không chung quan điểm sống, anh G chơi bời, cờ bạc không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm đến nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên và thôn bản hoà giải, động viên, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện tốt hơn mà ngày càng trầm trọng. Qua bản xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi chị Má Thị D và anh Giàng A G sinh sống có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai, và lời khai của người làm chứng (anh Giàng A C là anh trai, anh Giàng A G) và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ vụ án, thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị Má Thị D và anh Giàng A G mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế hai người đã sống

ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Do vậy xét yêu cầu của chị Má Thị D xin được ly hôn anh Giàng A G là có căn cứ, phù hợp theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống anh G và chị D có 02 con chung là cháu Giàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/7/2019 và cháu Giàng Mai A, sinh ngày 19/11/2020 cả 02 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do tính chất công việc, nên Anh G và chị D đều đi làm xa nhà, Hiện hai cháu đang ở cùng với gia đình anh Giàng A C (là anh trai của anh G) hàng tháng anh G và chị D gửi tiền về nhờ anh C trông nom, nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Mai A; anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Thị Tuyết N. Về cấp dưỡng nuôi con, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thấy rằng chị D anh G đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Nên giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Mai A và anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Thị Tuyết N; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Má Thị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Má Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28 ; Điểm a khoản 1 Điều 35 ; Điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Má Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Má Thị D được ly hôn anh Giàng A G.

2. Về con chung: Giao cho chị Má Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Mai A, sinh ngày 19/11/2020; anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Thị Tuyết N, sinh ngày 24/7/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) . Về cấp dưỡng nuôi con, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Má Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí số 000000752422 ngày 31/10/2023 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005333 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Má Thị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Má Thị D và anh Giàng A G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh, thị xã;
- UBND xã M,
- thị xã S, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trọng Bằng

Vũ Minh Huân

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sùng A Cở

Vũ Minh Huấn

Ngô Đức Quang